

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HS-ST

Ngày: 30/03/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng;
2. Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

NGÔ VĂN NG; Giới tính: Nam; sinh năm: 1986; Nơi sinh: Thành phố Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: Cụm 1, xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Cho vay; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Nh, con bà Nguyễn Thị T và vợ là Ngô Thị N có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012).

Tiền án:

- Bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội bị xử phạt 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 15/2013/HSST ngày 28/3/2013.

- Bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù, về tội “Đánh bạc” và tổng hợp hình phạt với bản án số 15/2013/HSST ngày 28/3/2013 buộc bị cáo chấp hành hình phạt 06 năm tù theo bản án số 45/2013/HSST ngày 17/7/2013.

- Bị Tòa án huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội: bị xử phạt 33 (ba mươi ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và tổng hợp với bản án số 45/2013/HSST ngày 17/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội buộc bị cáo

chấp hành hình phạt cho cả hai bản án là 8 năm 6 tháng 23 ngày tù theo bản án số 39/2014/HSST ngày 21/3/2014. Ngày 30/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 09/7/2020.

(Bị cáo N có mặt)

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 60/68 A, phường B, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng 505 Chung cư C, đường N, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Đào Duy T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 123/2 D, Phường F, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lâm Ngọc Kim C, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 51/24 C, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Lê Ngọc N, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 6/7C Tổ 11, Khu phố C, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè,
Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Trần Vũ Minh T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 449/62/28 H, Phường Đ, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/4/2020, bị cáo Ngô Văn N cùng Nguyễn Duy C điều khiển xe Honda Airblade, biển số: 65B1-360.38 đến nhà bà Nguyễn Thị Tuyết P tại 60/68 A, phường B, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để đòi nợ và xảy ra xô xát với ông Bùi Đình Nhân là chồng bà Phương nên bị người dân giữ lại báo Công an Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đưa về trụ sở Công an làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3, bị cáo Ngô Văn N khai: Vào khoảng đầu tháng 03/2020, bị cáo N từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh và thuê nhà tại số 06.05 Botanica Premier, số 108 - 112B - 114 Hồng Hà, Phường 2, quận Tân Bình để hoạt động cho vay. Ngày 09/4/2020, thông qua giới thiệu của đối tượng tên Thu (chưa xác định được lai lịch), bị cáo N điện thoại cho bà Nguyễn Thị Tuyết P để hỏi địa chỉ nhà cũng như lấy hình chụp chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy phép kinh doanh của bà Phương rồi đến nhà bà Phương tại số 60/68 A, phường B, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để thỏa thuận vay tiền với cách thức như sau: bị cáo cho bà Phương vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay tiền: 16 ngày, lãi suất:

52,5 %/tháng, cách thức T toán mỗi ngày góp 8.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền phí dịch vụ 10.000.000 đồng và 03 ngày tiền góp (02 ngày đầu tiên và ngày cuối) nên bà Phương chỉ nhận được 66.000.000 đồng. Bị cáo N viết giấy vay thể hiện cho bà Phương vay 128.000.000 đồng. Sau đó, bà Phương đã góp được cho bị cáo N tổng cộng 91.000.000 đồng (bị cáo N thu lợi bất chính được là 26.944.444 đồng) và không góp tiền nữa nên bị cáo N nhiều lần nhắn tin, gọi điện và đến nhà bà Phương để đòi tiền thì xảy ra sự việc mâu thuẫn với nhau nên bị Công an Phường 8, Quận 3 mời về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra mở rộng, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 còn xác định trong khoảng thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 5/2020, bị cáo N còn cho khoảng 10 người khác vay tiền với hình thức gặp trực tiếp để vay (đưa tiền mặt), sau đó trả tiền góp bằng cách bị cáo N trực tiếp đến nhà người vay để lấy tiền hoặc người vay nộp vào tài khoản số 19033962814014 của bị cáo N mở tại ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Trong đó có 05 người vay đã xác định được cụ thể như sau:

Người thứ nhất: Ngày 23/3/2020, bị cáo N cho chị Trần Vũ Minh T vay 40.000.000 đồng, thời hạn T toán 25 ngày, lãi suất 30%/tháng, cách thức T toán: mỗi ngày trả 2.000.000 đồng, phí dịch vụ 10% là 4.000.000 đồng và thu trước 3 ngày là 6.000.000 đồng, chị T thực nhận là 30.000.000 đồng nhưng bị cáo N viết giấy thể hiện chị T vay số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, chị T đã trả đủ tiền góp và tiền lãi cho bị cáo N. Số tiền mà bị cáo N đã thu lợi bất chính của chị T là 13.444.444 đồng.

Người thứ hai: Ngày 14/4/2020, bị cáo N cho chị Bùi Thị Hiếu vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 22 ngày, lãi suất vay là 43,63%/tháng, cách thức T toán: mỗi ngày trả 6.000.000 đồng, trả trước 3 ngày, trừ phí dịch vụ 10% là 10.000.000 đồng. Chị Hiếu đã góp cho bị cáo N được 10 ngày với số tiền 60.000.000 đồng. Số tiền mà bị cáo N đã thu lợi bất chính của chị Hiếu là 21.825.397 đồng.

Người thứ ba: Ngày 01/3/2020, bị cáo N cho anh Đào Duy T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 20 ngày, lãi suất 75%/tháng, cách thức T toán: mỗi ngày trả 1.500.000 đồng, trừ 10% phí dịch vụ là 2.000.000 đồng và trả trước 03 ngày là 4.500.000 đồng nên anh T thực nhận được là 13.500.000 đồng. Anh T đã góp đủ cho bị cáo N cả tiền gốc và lãi. Tiếp đến ngày 21/3/2020, anh T tiếp tục vay của bị cáo N số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 20 ngày, lãi suất 75%/tháng, cách thức T toán: mỗi ngày trả 1.500.000 đồng, trừ 5% phí dịch vụ là 2.000.000 đồng và trả trước 03 ngày là 4.500.000 đồng nên anh T thực nhận được là 14.500.000 đồng. Anh T đã góp đủ cho bị cáo N cả tiền gốc và lãi. Số tiền mà bị cáo N đã thu lợi bất chính của anh T là 22.555.556 đồng.

Người thứ tư: Ngày 01/3/2020, bị cáo N cho chị Lâm Ngọc Kim C vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, lãi suất 37,14%/tháng, cách thức T toán: mỗi ngày trả 1.800.000 đồng, trừ 10% phí dịch vụ là 3.000.000 đồng và 04 ngày góp trước là 7.200.000 đồng, thực tế chị C nhận được của bị cáo N là 19.800.000 đồng. Ngày 28/3/2020, chị C tiếp tục vay của bị cáo N 30.000.000 đồng với cách thức như trên và chị C mới góp được 10 ngày tổng cộng là 18.000.000 đồng. Việc góp tiền

thông qua việc chuyển khoản vào số 19033962814014. Tổng số tiền bị cáo N thu lợi bất chính từ chị C là 16.997.619 đồng.

Người thứ năm:

Ngày 16/3/2020, bị cáo N cho bà Lê Ngọc N vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, lãi suất 30%/tháng, cách thức T toán: mỗi ngày góp 10.000.000 đồng. Sau đó bị cáo trừ phí dịch vụ 10 % là 20.000.000 đồng và tiền trả trước 4 ngày là 40.000.000 đồng, chị N thực nhận là 140.000.000 đồng nhưng viết giấy vay thể hiện là vay số tiền 250.000.000 đồng. Chị N đã góp đủ cho bị cáo N.

Ngày 01/4/2020, chị N tiếp tục vay của bị cáo N 200.000.000 đồng thời hạn vay: 25 ngày, lãi suất 30%/tháng, cách thức T toán: mỗi ngày góp 10.000.000 đồng. Sau đó bị cáo trừ phí dịch vụ 10 % là 20.000.000 đồng và tiền trả trước 4 ngày là 40.000.000 đồng, chị N thực nhận là 140.000.000 đồng nhưng viết giấy vay thể hiện là vay số tiền 250.000.000 đồng. Chị N đã góp đủ cho bị cáo N.

Ngày 13/4/2020, chị N vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn T toán 25 ngày, cách thức T toán: mỗi ngày trả 25.000.000 đồng. Sau khi trừ trước 4 ngày trả tiền là 100.000.000 đồng và phí dịch vụ 10% là 50.000.000 đồng, số tiền thực nhận từ bị cáo N là 350.000.000 đồng tuy nhiên chị N viết giấy vay số tiền 625.000.000 đồng. Chị N góp cho bị cáo N được 07 ngày với số tiền là 175.000.000 đồng thì hết khả năng chi trả. Tổng số tiền thu lợi bất chính từ chị N là: được là 217.500.000 đồng.

Ngoài ra, N khai cho ông Đinh Quốc T (địa chỉ số 63/68 T, Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh) vay 50.000.000 đồng, góp 25 ngày, một ngày 2.500.000 đồng, phí dịch vụ 5% và thu trước 2 ngày tổng cộng là 7.500.000 đồng còn lại đưa cho ông T là 42.500.000 đồng; ông Vũ Hồng N (địa chỉ số 117/1 V, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) vay 30.000.000 đồng, góp 25 ngày, một ngày 1.500.000 đồng; ông Nguyễn Đình G (địa chỉ 53/3G, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh) vay 100.000.000 đồng trong 31 ngày, một ngày góp 4.000.000 đồng; chị Nguyễn Phương A (địa chỉ 18L, quận Gò Vấp) vay 100.000.000 đồng, góp 21 ngày, mỗi ngày góp 6.000.000 đồng; cho ông Huỳnh Quốc V (địa chỉ số 1146, tỉnh lộ M, Tân Tạo, Bình Tân) vay 100.000.000 đồng, góp 25 ngày, mỗi ngày 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua điều tra xác minh những người vay trên không có mặt tại địa phương, không rõ ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa tìm được để ghi lời khai làm rõ được.

Tổng cộng số tiền mà bị cáo N đã cho 06 người vay (10 lượt) là 1.240.000.000 đồng và thu lợi bất chính được là 319.267.460 đồng.

Vật chứng của vụ án :

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng, đã qua sử dụng, số imei: 357000061063227, bên trong có 01 sim số 0783480164.

+ 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy A7 màu đen, đã qua sử dụng, số imei 1: 353465103345490; số imei 2: 353466103345498 bên trong có 02 sim số 0866671981, 0372939562.

Tại Cáo trạng số 91/CT-VKS-HS ngày 25/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Ngô Văn N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa,

Bị cáo Ngô Văn N có lời khai phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai và kính mong hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng số 91/CT-VKS-HS ngày 25/11/2020 đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ngô Văn N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt tiền đối với bị cáo Ngô Văn N từ 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) đến 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an Quận 3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu tại Cáo trạng số 91/CT-VKS-HS ngày 25/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định: từ tháng 3/2020 đến tháng 5/2020, bị cáo N còn cho khoảng 10 người vay tiền với hình thức gặp trực tiếp để vay (đưa tiền mặt), sau đó trả tiền góp bằng cách bị cáo N trực tiếp đến nhà người vay để lấy tiền hoặc người vay nộp vào tài khoản số 19033962814014 của bị cáo N mở tại ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), lãi suất vay từ: 30% đến 75%/tháng (Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 mức lãi suất quy định là 20%/năm). Cơ quan Công an Quận 3 đã làm việc được với 06 người vay tiền với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thu được là: 319.267.460 đồng (ba trăm mười chín triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi đồng).

[3] Bị cáo N có năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên có lỗi cố ý.

[4] Hành vi của bị cáo N đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà Nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ.

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo Ngô Văn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ngô Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo N.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Theo Bản án số 39/2014/HSST ngày 24/02/2014, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 33 (ba mươi ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tổng hợp với 06 (sáu) năm tù của Bản án số 45/2013/HSST ngày 17/7/2013 buộc chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Ngày 30/01/2019 đã chấp hành xong án phạt tù theo Giấy chứng nhận số 110/GCN ngày 30/01/2019 của Trại Giam T Phong. Trong thời gian chưa được xóa án tích, bị cáo N lại tiếp tục phạm tội. Ngoài ra trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Ngô Văn N cho bà Lê Ngọc N vay 3 lần với mức lãi suất là 30%/tháng và với số tiền thu lợi bất chính như sau: lần 1 thu lợi bất chính số tiền 67.222.222 đồng, lần 2 thu lợi bất chính số tiền 67.222.222 đồng và lần 3 thu lợi bất chính số tiền: 83.055.556 đồng (mỗi lần cho vay đều đủ cấu thành tội phạm). Do đó áp dụng tình tiết tái phạm và phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g - h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Ngô Văn N phạm tội ít nghiêm trọng xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế. Vì vậy, căn cứ theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự để xem xét áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với đối tượng Nguyễn Duy C qua các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chỉ được bị cáo N nhờ chở đến nhà bà Phương, không biết và không liên quan đến hoạt động cho vay của bị cáo nên không đủ cơ sở xử lý hình sự. Đối tượng tên Thu giới thiệu bà Phương cho bị cáo do chưa xác định rõ lai lịch nên tiếp tục điều tra làm rõ.

[9] Về vật chứng:

Đối với khoản tiền cho vay (tiền gốc) 1.240.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, số tiền này được xác định là 12.289.273 đồng (mười hai triệu hai trăm tám mươi chín ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng) đây là tiền phát sinh từ việc phạm tội nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 tịch thu và nộp Ngân sách nhà nước.

Đối số tiền thu lợi bất chính (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) được xác định là: 319.267.460 đồng (ba trăm hai mươi triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi đồng) cần buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi N vụ liên quan (người vay tiền). Do những người có quyền lợi N vụ liên quan đã được triệu tập đến phiên tòa để trình bày ý kiến về việc giải quyết đối với số tiền trên nhưng không có mặt nên dành quyền khởi kiện dân sự cho những người này.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng, đã qua sử dụng, số imei: 357000061063227, bên trong có 01 sim số 0783480164 và 01 (một) điện thoại hiệu Samsung Galaxy A7 màu đen, đã qua sử dụng, số imei 1: 353465103345490; số imei 2: 353466103345498 bên trong có 02 sim số 0866671981, 0372939562 là phương tiện liên lạc của bị cáo trong quá trình thực hiện hoạt động cho vay nên tịch thu để nộp Ngân sách nhà nước.

[10] Đối với những người vay tiền mà bị cáo khai cho vay như: ông Đinh Quốc T, ông Nguyễn Đình G, ông Vũ Hồng N và ông Huỳnh Quốc V đều không còn ở tại nơi cư trú nên chưa ghi nhận được lời khai để làm rõ.

[11] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Ngô Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g-h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 201, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn N số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để nộp Ngân sách Nhà Nước về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Việc bị cáo nộp số tiền phạt nêu trên phải được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 30 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền 1.252.289.273 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng) để nộp vào Ngân sách nhà nước.

Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng, đã qua sử dụng, số imei: 357000061063227, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại hiệu Samsung Galaxy A7 màu đen, đã qua sử dụng, số imei 1: 353465103345490; số imei 2: 353466103345498 máy bị bể màn hình, đã qua sử dụng. (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 60/QĐ-VKS-HS ngày 26/11/2020)

Dành quyền khởi kiện cho những người có quyền lợi N vụ liên quan trong vụ án nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác đối với số tiền khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Ngô Văn N phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, N vụ liên quan;
- VKS ND Quận 3;
- TAND TP.HCM ;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Công an Quận 3;
- PC53-CATP.HCM
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Nam Phương